

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 625/2024/DSST
Ngày: 28-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên
- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 270/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: lầu H, 2 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lã Ngọc M (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: F, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 16/5/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng-gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu

nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 231.799.000 (Hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 184.001.000 (một trăm tám mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn) đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí tiếp tục trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28/8/2024, bà H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc: 57.763.053 (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không năm mươi ba) đồng.

Lãi quá hạn: 40.422.316 (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm mười sáu) đồng.

Tổng cộng: 98.185.368 (chín mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bị đơn là bà H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định sau: về thẩm quyền thụ lý vụ án; về xác định tư cách tố tụng; về xác minh, thu thập chứng cứ; thủ tục hòa giải; về thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng và bà **H** là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà **H** có hộ khẩu tại **F, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà **H** phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2024 là 98.185.368 (chín mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng; trong đó nợ gốc 57.763.053 (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không năm mươi ba) đồng, lãi quá hạn 40.422.316 (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm mười sáu) đồng; thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/8/2024.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà **H** có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng-gọi chung là hợp đồng. Điều này cho thấy hợp đồng vay giữa Ngân hàng và bà **H** là có thực; bà **H** đã nhận tiền vay và có thanh toán tiền vay cho Ngân hàng.

Ngân hàng và bà **H** đã có thỏa thuận về lãi suất cho vay, thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Vì bà **H** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên Ngân hàng yêu cầu bà **H** thanh toán tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà **H** thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 28/8/2024 là 98.185.368 (chín mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng; trong đó nợ gốc 57.763.053 (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không năm mươi ba) đồng, lãi quá hạn 40.422.316 (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm mười sáu) đồng; thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời bà **H** phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ T - Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**.

Xử:

Buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc H** thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền gốc và lãi, tạm tính đến ngày đến ngày 28/8/2024 là 98.185.368 (chín mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi tám) đồng; trong đó nợ gốc 57.763.053 (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không năm mươi ba) đồng, lãi quá hạn 40.422.316 (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm mười sáu) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/8/2024, Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất đã thoả thuận.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.909.268 (bốn triệu chín trăm lẻ chín ngàn hai trăm sáu mươi tám) đồng, Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** chịu. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.967.330 (một triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi) đồng theo biên lai thu số 0024339 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND TP . HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm